

Số: /QĐ-UBND

Kim Thành, ngày 20 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc ban hành Bộ tài liệu Hệ thống quản lý chất lượng
TCVN ISO 9001:2015 tại UBND huyện Kim Thành**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về áp dụng Hệ thống QLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9001:2008 vào hoạt động của cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Kế hoạch số 1524/KH-BCĐ ngày 04/5/2021 của Ban chỉ đạo ISO 9001 tỉnh Hải Dương về xây dựng, duy trì áp dụng, cải tiến HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 năm 2021 tại các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Hải Dương;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Huyện ủy, HĐND và UBND huyện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành và áp dụng Bộ tài liệu của Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 của UBND huyện Kim Thành đã được phê duyệt (có danh mục đính kèm)

Điều 2. Thủ trưởng các Phòng tham gia thủ tục hành chính thực hiện ISO căn cứ chức năng nhiệm vụ, chịu trách nhiệm triển khai thực hiện tại đơn vị theo đúng các quy trình được quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Huyện ủy, HĐND và UBND huyện, Ban chỉ đạo ISO và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Lưu: VP.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Viết Tuấn

DANH MỤC TÀI LIỆU CỦA HỆ THỐNG

STT	TÊN TÀI LIỆU	KÝ HIỆU	Điều khoản TCVN ISO 9001:2015
1	Sổ tay chất lượng	STCL	4.4
2	Quy trình kiểm soát thông tin (tài liệu và hồ sơ)	QT-UBND01	7.5
3	Quy trình đánh giá nội bộ	QT-UBND02	9.2
4	Quy trình kiểm soát sự không phù hợp và hành động khắc phục	QT-UBND03	8.7
5	Quy trình kiểm soát rủi ro	QT-UBND04	6.1
6	Quy trình họp xem xét của lãnh đạo	QT-UBND05	9.3
7	Quy trình quản lý văn bản đi và văn bản đến	QT-UBND06	4.4
8	Quy trình đo lường sự thỏa mãn của khách hàng	QT-UBND07	9.1.2
9	Cấp giấy phép bán lẻ rượu	QT-KT01	8.5
10	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	QT-KT02	8.5
11	Cấp lại giấy phép bán lẻ rượu	QT-KT03	8.5
12	Cấp giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT-KT04	8.5
13	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT-KT05	8.5
14	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT-KT06	8.5
15	Cấp giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT-KT07	8.5
16	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT-KT08	8.5
17	Cấp lại giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT-KT09	8.5
18	Thẩm định phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND huyện	QT-KT10	8.5
19	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	QT-KT11	8.5
20	Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh: Thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/ Thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh (trường hợp thiết kế một bước)	QT-KT12	8.5
21	Cấp giấy phép xây dựng (giấy phép xây dựng mới, giấy phép sửa chữa, cải tạo, giấy phép di dời công trình) đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử-văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng của cấp Trung ương, cấp tỉnh	QT-KT13	8.5
22	Điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích	QT-KT14	8.5

	lịch sử - văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng của cấp trung ương, cấp tỉnh		
23	Cấp giấy phép hoạt động bến khách ngang sông	QT-KT15	8.5
24	Cấp lại giấy phép hoạt động bến khách ngang sông	QT-KT16	8.5
25	Cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu nằm trong phạm vi đất của đường bộ, hành lang an toàn đường bộ đối với đường huyện, đường đô thị, đường xã	QT-KT17	8.5
26	Chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với đường huyện, đường đô thị, đường xã	QT-KT18	8.5
27	Gia hạn giấy phép thi công công trình trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ với đường huyện, đường đô thị, đường xã đang khai thác	QT-KT19	8.5
28	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	QT-TP01	8.5
29	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	QT-TP02	8.5
30	Ghi sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT-TP03	8.5
31	Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT-TP04	8.5
32	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc	QT-TP05	8.5
33	Đăng ký nhận cha mẹ con có yếu tố nước ngoài	QT-TP06	8.5
34	Giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp huyện	QT-TTr01	8.5
35	Giải quyết khiếu nại lần hai tại cấp huyện	QT-TTr02	8.5
36	Giải quyết tố cáo tại cấp huyện	QT-TTr03	8.5
37	Tiếp công dân tại cấp huyện	QT-TTr04	8.5
38	Xử lý đơn thư tại cấp huyện	QT-TTr05	8.5
39	Thủ tục kê khai tài sản, thu nhập	QT-TTr06	8.5
40	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	QT-LĐ01	8.5
41	Thủ tục chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc nuôi dưỡng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	QT-LĐ02	8.5
42	Thủ tục quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	QT-LĐ03	8.5
43	Thủ tục nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp	QT-LĐ04	8.5
44	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội (được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng)	QT-LĐ05	8.5
45	Thủ tục trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí	QT-LĐ06	8.5

	điều trị người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc		
46	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền cấp phép của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	QT-LĐ07	8.5
47	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội	QT-LĐ08	8.5
48	Tiếp nhận đối tượng cần sự bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội	QT-LĐ09	8.5
49	Thủ tục trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng	QT-LĐ10	8.5
50	Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội	QT-LĐ11	8.5
51	Cấp giấy giới thiệu đi thăm viếng mộ liệt sĩ	QT-LĐ12	8.5
52	Hỗ trợ người có công đi làm phương tiện, dụng cụ trợ giúp chỉnh hình; đi điều trị phục hồi chức năng	QT-LĐ13	8.5
53	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	QT-LĐ14	8.5
54	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	QT-LĐ15	8.5
55	Hoãn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai tại trung tâm quản lý sau cai nghiện	QT-LĐ16	8.5
56	Miễn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại trung tâm quản lý sau cai nghiện	QT-LĐ17	8.5
57	Hỗ trợ người lao động ngừng việc do đại dịch Covid-19	QT-LĐ18	8.5
58	Hỗ trợ người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động hoặc nghỉ việc không lương do đại dịch Covid-19	QT-LĐ19	8.5
59	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	QT-TC01	8.5
60	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	QT-TC02	8.5
61	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	QT-TC03	8.5
62	Đăng ký hợp tác xã	QT-TC04	8.5
63	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi bị mất hoặc bị hư hỏng)	QT-TC05	8.5
64	Đăng ký thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật; tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã	QT-TC6	8.5
65	Tặng danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến; tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở; tặng danh hiệu Lao động tiên tiến; tặng Giấy khen của Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thi đua theo đợt, chuyên đề; tặng Giấy khen của Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích đợt xuất	QT-NV01	8.5

66	Đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một huyện	QT-NV02	8.5
67	Công nhận lần đầu “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”; “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”	QT-VH01	8.5
68	Công nhận lại “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”; “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”	QT-VH02	8.5
69	Công nhận lần đầu “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”	QT-VH03	8.5
70	Công nhận lần đầu “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”	QT-VH04	8.5
71	Xét tặng danh hiệu Làng, KDC văn hóa hàng năm	QT-VH05	8.5
72	Xét tặng Giấy khen cho Làng, KDC văn hóa hàng năm	QT-VH06	8.5
73	Đăng ký tổ chức Lễ hội	QT-VH07	8.5
74	Thông báo tổ chức Lễ hội	QT-VH08	8.5
75	Khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy	QT-VH09	8.5
76	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở	QT-GD01	8.5
77	Công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	QT-GD02	8.5
78	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học	QT-GD03	8.5
79	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	QT-GD04	8.5
80	Thủ tục sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở	QT-GD05	8.5
81	Thủ tục sáp nhập, chia tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	QT-GD06	8.5
82	Thành lập trung tâm học tập cộng đồng xã, thị trấn	QT-GD07	8.5
83	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư.	QT-TN01	8.5
84	Giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất	QT-TN02	8.5
85	Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình, cá nhân.	QT-TN03	8.5
86	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu.	QT-TN04	8.5
87	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định.	QT-TN05	8.5
88	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu	QT-TN06	8.5

	tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận.		
89	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận	QT-TN07	8.5
90	Tách thửa hoặc hợp thửa đất	QT-TN08	8.5
91	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	QT-TN09	8.5
92	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	QT-TN10	8.5
93	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	QT-TN11	8.5
94	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất	QT-TN12	8.5
95	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất	QT-TN13	8.5
96	Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất	QT-TN14	8.5
97	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu	QT-TN15	8.5
98	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện	QT-TN16	8.5
99	Xác nhận đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường	QT-TN17	8.5
100	Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (gồm trường hợp đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất hoặc đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất hoặc đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất)	QT-TN18	8.5
101	Đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm bằng	QT-TN19	8.5

	quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký		
102	Sửa chữa sai sót nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký do lỗi của cơ quan đăng ký	QT-TN20	8.5
103	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	QT-TN21	8.5
104	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	QT-TN22	8.5
105	Thủ tục kê khai thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải	QT-TN23	8.5